Số: 4996/QĐ-UBND; 18/10/2023; 9:52:57 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THU HỒI ĐẤT

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ đường Hồ Chí Minh vào khu vực biên giới xã Hòa Hải, huyện Hương Khê (Giai đoạn 1)

(Kèm theo Quyết định số 4996/QĐ-UBND ngày 17/10/2023 của UBND huyện)

TT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ thửa đất	Thông tin theo Bản đồ địa chính		Diện tích đất thu hồi (m²)			Loại đất thu hồi	Ghi chú
			Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng	Trong phạm vi GPMB	Ngoài phạm vi GPMB		
Xã Hương Long		**Thôn**			**2.915,80**	**2.915,80**			
1	Dương Đình Pháp(Nguyễn Thị Phương)	Thôn 4	52	21	49,5	49,5		CLN	
2	Đoàn Phong	Thôn 6	243	15	33,4	33,4		CLN	
3	Hồ Bá Thành	Thôn 4	870	9	4	4		CLN	
4	Nguyễn Thị Khánh	Thôn 6	333	15	15	15		ONT	
5	Nguyễn Văn Đức (Trần Thị Oanh)	Thôn 4	381	4	117,5	117,5		CLN	
6	Nguyễn Văn Trường	Thôn 4	40	21	16,4	16,4		CLN	
7	Nguyễn Viết Lý (Nguyễn Thị Sâm)	Thôn 4	39	21	25,3	25,3		ONT	
8	Nguyễn Xuân Lan(Hồ sơ bổ sung)	Thôn 4	39	21	322,1	322,1		CLN	
9	Phạm Trọng Hòa	Thôn 4	24	22	2,8	2,8		CLN	
10	Phan Thị Anh	Thôn 6	1025	15	81,8	81,8		LUC	
11	Trần Đình Lịch	Thôn 2	18	22	21,4	21,4		ONT	
12	Trần Đình Thanh(Ngô Thị Hường)	Thôn 4	20	8	62,5	62,5		CLN	
13	Trần Hồng Sơn	Thôn 2	20	22	30,6	30,6		CLN	
14	Trần Long An	Thôn 4	229	8	205,9	205,9		CLN	
15	Trần Quốc Việt	Thôn 4	410	8	80,8	80,8		CLN	

TT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ thửa đất	Thông tin theo Bản đồ địa chính		Diện tích đất thu hồi (m²)			Loại đất thu hồi	Ghi chú
			Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng	Trong phạm vi GPMB	Ngoài phạm vi GPMB		
16	Trần Xuân Hậu(Trần Thị Hảo)	Thôn 6	1048	15	8,5	8,5		LUC	
17	Trần Thị Thức	Thôn 6	410	8	5,9	5,9		ONT	
18	Kiều Hữu Phượng	Thôn 6	333	15	18	18		CLN	
19	Điện Khánh Chi	Thôn 4	399	8	133,7	133,7		CLN	
20	Nguyễn Viết Lý	Thôn 4	73	21	22,5	22,5		CLN	
21	Hồ Sỹ Long	Thôn 4	441	8	151,7	151,7		CLN	
22	Mai Thị Thanh	Thôn 6	342	15	81,4	81,4		CLN	
23	Hồ Bá Mạnh	Thôn 7	15	14	9,8	9,8		CLN	
24	Nguyễn Viết Lý	Thôn 4	427	4	149,5	149,5		LUC	
25	Mai Văn Tạo	Thôn 6	285	15	9,6	9,6		ONT	
26	Dương Đình Ước (mẹ Trịnh Thị Hương)	Thôn 4	707	8	55,2	55,2		ONT	
27	Đậu Thị Hạnh	Thôn 4	37	21	72,2	72,2		ONT	
28	Trần Thị Vy (chồng Dương Văn Minh)	Thôn 4	706	8	36,7	36,7		CLN	
29	Trần Văn Minh	Thôn 6	335	15	39	39		CLN	
30	Trương Quang Hỷ	Thôn 4	42	21	152,4	152,4		LUC	
31	Phan Thị Diện	Thôn 6	377	15	157,3	157,3		CLN	
32	Hoàng Thị Tuyết Như	Thôn 7	178	14	53,3	53,3		CLN	
33	Trương Quang Phong	Thôn 6	275	15	24,2	24,2		LUC	
34	Đặng Tiền Phong	Thôn 4	46	8	88,3	88,3		LUC	
35	Nguyễn Tiến Dũng	Thôn 7	121	15	4,1	4,1		CLN	
36	Hoàng Quốc Cường	Thôn 7	150	15	114,4	114,4		CLN	
37	Hoàng Thị Ngọc	Thôn 7	1225	15	12,5	12,5		ONT	
38	Trần Thị Hạ	Thôn 4	150	8	179,8	179,8		LUC	
39	Tràn Hồng Tuyên	Thôn 4	28	21	110,5	110,5		LUC	
40	Trần Công Lý	Thôn 7	233	15	4,9	4,9		CLN	
41	Trần Thị Quý (Chồng Phan Văn Khẩn)	Thôn 2	36	22	21,8	21,8		CLN	
42	Lê Thị Tư	Thôn 6	191	15	53,8	53,8		CLN	

TT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ thửa đất	Thông tin theo Bản đồ địa chính		Diện tích đất thu hồi (m²)			Loại đất thu hồi	Ghi chú
			Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng	Trong phạm vi GPMB	Ngoài phạm vi GPMB		
43	Thái Hồng Vỹ	Thôn 7	96	14	30	30		ONT	
			96	14	13,9	13,9		CLN	
44	Trần Thanh Hải	Thôn 4	253	21	19,7	19,7		CLN	
45	Trần Đình Bích	Thôn 4	252	21	12,2	12,2		CLN	
Xã Hương Bình		**Thôn**			**4.844,80**	**4.844,80**			
1	Bạch Xuân Cường (vợ Đậu Thị Hồng Vân)	Bình Hải	198	22	122,4	122,4		CLN	
2	Nguyễn Văn Thông	Bình Hải	12	21	92,9	92,9		CLN	
3	Lê Đăng Xân (vợ Trần Thị Toàn)	Bình Hưng	84	8	8,9	8,9		BHK	
4	Lê Thanh Sơn	Bình Hưng	38	4	35,3	35,3		LUC	
5	Nguyễn Thị Phẩm (con dâu Trần Thị Nhuần)	Bình Thái	31	33	2,1	2,1		ONT	
6	Ngô Đăng Nhâm	Bình Thái	62	30	249,8	249,8		LUC	
7	Trần Công Sơn (đã mất) (Em rể Phan Cương)	Bình Minh	15	37	40,3	40,3		CLN	
8	Nguyễn Văn Tuấn (mẹ Lê Thị Hoan)	Bình Hải	283	21	74,2	74,2		ONT	
9	Lê Xuân Cung	Bình Hải	37	41	15,4	15,4		CLN	
10	Lê Chiến Thắng (vợ Lê Thị Tuyết)	Bình Thái	33	15	13,4	13,4		CLN	
11	Phan Hữu Quốc	Bình Thái	33	5	29,1	29,1		CLN	
12	Dương Danh Nghị (Vợ Nguyễn Thị Nhận)	Bình Trung	244	8	33,7	33,7		ONT	
13	Trần Hữu Hà	Bình Hải	160	21	9,5	9,5		CLN	
14	Dương Đình Thủy (con Dương Đình Dũng ký thay)	Bình Minh	31	36	9,4	9,4		CLN	
15	Dương Đình Thủy (Tờ 36 thửa 21)	Bình Minh	21	36	4,8	4,8		ONT	
16	Trần Văn Công	Bình Hải	26	37	3,2	3,2		CLN	
17	Đậu Văn Bình (Anh trai Đậu Văn Chương ký thay)	Bình Minh	30	36	4,7	4,7		CLN	

TT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ thửa đất	Thông tin theo Bản đồ địa chính		Diện tích đất thu hồi (m²)			Loại đất thu hồi	Ghi chú
			Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng	Trong phạm vi GPMB	Ngoài phạm vi GPMB		
18	Lê Hữu Huệ (đã mất, vợ Lưu Thị Túy) Em trai Lê Hữu Tuệ ký thay	Bình Minh	14	37	68,3	68,3		ONT	
19	Lê Thị Nghĩa	Bình Hải	168	21	3,1	3,1		CLN	
20	Trần Trọng Dần	Bình Hưng	76	8	6,5	6,5		BHK	
21	Bạch Xuân Kỷ (Phạm Thị Quyên)	Bình Hưng	45	8	45,9	45,9		BHK	
22	Nguyễn Văn Hải (Hà Văn Dượng)	Bình Thái	35	4	90,6	90,6		LUC	
23	Dương Danh Hòa	Bình Hưng	75	8	17,9	17,9		BHK	
24	Dương Danh Hiến (vợ Bùi Thị Phượng)	Bình Hưng	35	4	45,9	45,9		LUC	
25	Nguyễn Hoài Nam (vợ Trần Thị Bình)	Bình Trung	18	30	81,7	81,7		LUC	
26	Lê Đăng Văn	Bình Hưng	93	4	65,9	65,9		LUC	
27	Phan Hữu Kim	Bình Trung	351	8	44	44		LUC	
28	Lê Văn Nghĩa	Bình Hải	230	22	21,3	21,3		BHK	
29	Dương Danh Huấn	Bình Trung	223	8	140,1	140,1		CLN	
30	Dương Hồng Sơn	Bình Hưng	48	5	93,3	93,3		LUC	
31	Dương Danh Dụng (Lê Thị Liên)	Bình Hưng	15	5	23,1	23,1		BHK	
32	Dương Danh Nhân	Bình Trung	284	8	4,4	4,4		CLN	
33	Dương Thị Hạnh	Bình Hải	37	21	306,1	306,1		LUC	
34	Lê Đăng Hà	Bình Hải	62	21	350,4	350,4		CLN	
35	Lê Đăng Minh (Nguyễn Thị Hiền)	Bình Minh	83	37	5,3	5,3		ONT	
36	Lê Đăng Mong(Đặng Thị Thu)	Bình Hà	512	17	10,6	10,6		LUC	
37	Lê Hữu Tuệ	Bình Minh	12	37	40,6	40,6		ONT	
38	Lê Thị Hoa (Trần Văn Giả)	Bình Giang	882	17	11,5	11,5		CLN	
39	Lê Thị Hoan	Bình Hải	257	21	111,1	111,1		BHK	

TT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ thửa đất	Thông tin theo Bản đồ địa chính		Diện tích đất thu hồi (m²)			Loại đất thu hồi	Ghi chú
			Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng	Trong phạm vi GPMB	Ngoài phạm vi GPMB		
40	Lê Thị Hương(Hà Thị Huyền)	Bình Giang	251	22	12,1	12,1		LUC	
41	Lê Thị Lĩnh	Bình Giang	24	37	68,4	68,4		ONT	
42	Lê Xuân Cung	Bình Hà	383	17	71	71		LUC	
43	Lê Xuân Tần(Nguyễn Thị Đức)	Bình Giang	914	17	28,1	28,1		ONT	
44	Lê Xuân Thứ	Bình Hải	205	22	202,2	202,2		CLN	
45	Lê Xuân Tình(Nguyễn Thị Hoài)	Bình Giang	259	22	11,8	11,8		LUC	
46	Lê Xuân Tùng	Bình Hưng	7	5	51,3	51,3		BHK	
47	Lê Xuân Vượng	Bình Giang	244	21	10,9	10,9		BHK	
48	Nguyễn Công Thìn	Bình Trung	234	8	167,6	167,6		CLN	
49	Nguyễn Đình Thắng	Bình Trung	14	27	44,1	44,1		CLN	
50	Nguyễn Văn Quang(Nguyễn Quốc Tú)	Bình Hải	221	22	57,6	57,6		LUC	
51	Nguyễn Văn Quang(Nguyễn Quốc Tú)	Bình Hải	9	21	115,9	115,9		BHK	
52	Nguyễn Thị Cúc	Bình Hà	1006	17	43,1	43,1		LUC	
53	Nguyễn Thị Hải(Lê Văn Anh)	Bình Hưng	24	5	4,3	4,3		BHK	
54	Nguyễn Thị Lan	Bình Giang	854	21	85,7	85,7		BHK	
55	Nguyễn Thị Lan	Bình Giang	671	17	71,9	71,9		LUC	
56	Nguyễn Văn Mạnh	Bình Trung	31	27	32	32		LUC	
57	Nguyễn Văn Mạnh	Bình Trung	38	5	6	6		BHK	
58	Nguyễn Văn Phú	Bình Hải	161	21	58,8	58,8		BHK	
59	Phan Ngọc Thái(Lê Thị Xuân)	Bình Hải	183	22	43,3	43,3		CLN	
60	Phan Thế Vy (Trương Thị Vân)	Bình Trung	20	27	20,9	20,9		CLN	
61	Phan Văn Ngự (Trần Thị Lan)	Bình Trung	209	8	4,7	4,7		BHK	
62	Phan Văn Ngự	Bình Trung	259	8	180	180		CLN	
63	Trần Thị Hoài(Dương Cảnh Hoài)	Bình Trung	3	27	13,1	13,1		CLN	
64	Trần Thị Hợi(Dương Danh Mậu)	Bình Hưng	19	5	4,9	4,9		BHK	

TT	Họ tên chủ hộ	Địa chỉ thửa đất	Thông tin theo Bản đồ địa chính		Diện tích đất thu hồi (m²)			Loại đất thu hồi	Ghi chú
			Số thửa	Số tờ bản đồ	Tổng	Trong phạm vi GPMB	Ngoài phạm vi GPMB		
65	Trần Văn Giai (vợ Lưu Thị Vy)	Bình Trung	312	8	10	10		ONT	
					85,4	85,4		CLN	
66	Trương Quốc Thuyên (Bạch Thị Nhuần)	Bình Hà	1013	17	48,8	48,8		LUC	
67	Võ Quốc Hùng	Bình Trung	567	8	15,2	15,2		CLN	
68	Nguyễn Văn Thái	Bình Trung	630	8	194	194		LUC	
69	Võ Văn Mạnh	Bình Trung	67	27	44,6	44,6		LUC	
			579	8	92	92		BHK	
70	Dương Danh Đức	Bình Trung	123	8	137,4	137,4		BHK	
71	Dương Danh Nghị	Bình Hưng	74	8	7	7		BHK	
72	Phan Hữu Niệm	Bình Trung	41	27	140,1	140,1		BHK	
73	Trần Thị Lý	Bình Hải	725	21	19,9	19,9		LUC	
74	Nguyễn Văn Thành	Bình Hải	810	21	6,9	6,9		CLN	
75	Phan Ngọc Tuyên	Bình Hải	200	21	33,6	33,6		LUC	
76	Phan Trung Nam (Lê Thị Phượng)	Bình Hải	812	21	9,2	9,2		ONT	
			813	21	8,5	8,5			
77	Lê Xuân Trúc	Bình Minh	7	36	6,3	6,3		BHK	
78	Nguyễn Thị Cúc	Bình Hà	11	37	14,9	14,9		ONT	
79	Lê Thị Hải Đường	Bình Hà	17	37	18,3	18,3		ONT	
80	Lê Xuân Anh	Bình Hà	10	37	8,1	8,1		ONT	
81	Nguyễn Thị Quý	Bình Giang	176	21	185,2	185,2		CLN	
82	Hoàng Ngọc Dũng	Bình Hà	81	37	13	13		CLN	
Xã Hòa Hải					**173,0**	**173,0**			
1	Lê Trọng Huấn	Thôn 12	196	55	47,9	47,9		BHK	
2	Nguyễn Viết Huệ	Thôn 12	254	63	18,7	18,7		BHK	
			253	63	23,9	23,9		BHK	
			240	63	15,5	15,5		BHK	
			241	63	13,8	13,8		BHK	
3	Bạch Đình Mạnh	Thôn 13	340	46	53,2	53,2		BHK	